

Di sản Văn hóa Phi vật thể



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization



Intangible
Cultural
Heritage

*Mục đích chính của Công ước
2003 về Bảo vệ Di sản Văn hóa
Phi vật thể là bảo vệ các tập
quán, các hình thức thể hiện, các
biểu đạt, tri thức và kỹ năng mà
các cộng đồng, các nhóm người
và, trong một số trường hợp là các
cá nhân, công nhận là một phần
di sản văn hóa của họ*

Tiến trình hoạt động đi tới Công ước về Di sản

Các công ước của UNESCO trong lĩnh vực văn hóa được dự thảo và thông qua theo đề nghị của các Quốc gia thành viên nhằm xây dựng những chuẩn mực quốc tế làm cơ sở cho việc thảo ra các chính sách văn hóa quốc gia và tăng cường sự hợp tác giữa các nước. Tám văn kiện quy chuẩn đã được tạo ra trong khoảng thời gian 55 năm phản ánh những ưu tiên của cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực văn hóa ở thời điểm chúng được thông qua. Đặt các văn kiện này bên nhau, chúng cũng phản ánh sự tiến triển của các chính sách văn hóa và vai trò của các tổ chức chính phủ và phi chính phủ khác nhau. Chúng bổ sung cho nhau để cùng giải quyết những vấn đề khác nhau và tạo thành nguồn tham khảo về những quy chuẩn cho các chính sách văn hóa quốc gia. Hơn nữa, những văn kiện mới được thông qua giúp chúng ta hiểu hơn những văn kiện hiện hành, bởi chúng cho thấy bản chất của sự tác động của những chính sách trước đây và những nhu cầu mới. Các văn kiện này tạo thành một bộ công cụ hỗ trợ các Quốc gia thành viên nỗ lực bảo tồn sự đa dạng của thế giới trong bối cảnh thế giới không ngừng biến chuyển. Hiệu lực của các công ước dựa trên cơ sở cam kết của các Quốc gia thành viên về việc thực hiện chúng sau khi các văn kiện này được phê chuẩn.



Ảnh từ Instituto Nacional de Cultura /
Lima, Peru

Năm 2003, tại Khóa họp thứ 32, Đại hội đồng UNESCO đã thông qua Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể. Việc thông qua Công ước này trở thành một mốc quan trọng trong sự phát triển của các chính sách quốc tế nhằm thúc đẩy sự đa dạng văn hóa, bởi vì đó là lần đầu tiên cộng đồng quốc tế công nhận sự cần thiết phải ủng hộ các hình thức thuộc loại hình thể hiện và biểu đạt văn hóa mà cho đến lúc đó chưa được hưởng lợi từ một khung pháp lý và chương trình rộng lớn như vậy.

Văn hóa Phi vật thể

Bổ sung cho các văn kiện quốc tế khác về di sản văn hóa, như Công ước Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới, mục đích chính của Công ước 2003 về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể là bảo vệ các tập quán, các hình thức thể hiện, các biểu đạt, tri thức và kỹ năng mà các cộng đồng, các nhóm người và, trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần di sản văn hóa của họ. Những di sản như vậy có thể được thể hiện trong những hình thức như truyền khẩu truyền thống và biểu đạt, nghệ thuật trình diễn, các tập quán xã hội, các nghi lễ, lễ hội, tri thức và tập tục liên quan đến tự nhiên và thế giới, và nghề thủ công truyền thống. Định nghĩa này được quy định tại Điều 2 của Công ước bao gồm cả những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể. Định nghĩa này là kết quả của những cuộc đàm phán liên chính phủ diễn ra trong một thời gian dài – những hoạt động đã hiệu chỉnh, thống nhất các khái niệm và dẫn đến việc thông qua văn bản hiện nay.

Mục đích của tập sách nhỏ này là cung cấp thông tin về bối cảnh xây dựng Công ước thông qua việc nêu bật những hoạt động và chương trình đã góp phần, thường là trực tiếp, vào việc phát triển các ý tưởng và chính sách cuối cùng đưa đến việc thông qua văn bản Công ước như hiện nay.

● Nghệ thuật
đệt ở đảo
Taqile, Peru

● Không gian
văn hóa của
quận Boysun,
Uzbekistan



📍 Di sản của người Maroon ở Moore Town, Jamaica.

📍 Vẽ cát ở Vanuatu

📍 Rước hình nhân khổng lồ và rồng ở Bỉ và Pháp

Ảnh © Andrew P. Smith / UNESCO



Ảnh © Christine Perrey / UNESCO

📍 Bộ gõ gỗ Chapi Timbila, Mozambique

1946 - 1981: những bước đi đầu tiên

Những chương trình đầu tiên của UNESCO trong lĩnh vực văn hóa phản ánh tình hình chính trị và xã hội của thế giới trong thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai và phi thực dân hóa. Tính đến nhiệm vụ của Tổ chức này là góp phần vào hòa bình thông qua giáo dục, khoa học và văn hóa, sự chú ý được tập trung vào việc xúc tiến hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghệ thuật và vào việc nghiên cứu cách công nhận trạng thái muốn màu muốn về của các bản sắc văn hóa trên thế giới. Một số hoạt động đã được thực hiện liên quan đến những hình thái văn hóa truyền thống như văn học, bảo tàng, âm nhạc và ngôn ngữ.

Năm 1946, Hội đồng Bảo tàng Quốc tế (ICOM) được thành lập, tiếp đó là Hội đồng Âm nhạc Quốc tế (IMC) ra đời vào năm 1949. Tập đầu tiên của Thư mục các Tác phẩm dịch được xuất bản năm 1949, trong khi những lo ngại đầu tiên liên quan đến sản phẩm nghệ thuật được thảo luận tại một hội nghị ở Venice vào năm 1952. Hội nghị này đã dẫn đến việc thông qua Công ước Toàn cầu về Bản quyền, văn kiện này bắt đầu có hiệu lực vào năm 1955 và sau này được sửa đổi vào năm 1971. Kết quả của sự nhận thức ngày càng tăng về sự cần thiết phải bảo vệ di sản kiến trúc trong thời gian có chiến tranh, sau những hậu quả tàn phá của Thế chiến hai, Công ước về Bảo vệ Tài sản Văn hóa trong trường hợp có xung đột vũ trang được thông qua tại The Hague, Hà Lan vào năm 1954. Công ước này đưa ra sự diễn đạt về 'tài sản văn hóa'

như là một phạm trù toàn diện và đồng nhất của các đồ vật được coi là đáng được bảo vệ bởi giá trị văn hóa độc đáo của chúng. Thuật ngữ này sau đó cũng được sử dụng trong Công ước về Các biện pháp cấm xuất nhập khẩu và chuyển giao trái phép quyền sở hữu tài sản văn hóa (1970), văn kiện được bổ sung bằng Công ước Hague và Nghị định thư Thứ hai năm 1999.

Ngay trong năm 1953, UNESCO đã xuất bản tập đầu tiên trong loạt sách mới có tên gọi 'Sự thống nhất và đa dạng của các nền văn hóa', bộ sách này được xây dựng từ một khảo cứu quan điểm đương đại về các nền văn hóa riêng biệt của các dân tộc khác nhau và mối quan hệ qua lại giữa các nền văn hóa đó. Mục đích của tác phẩm này mở ra một sự hiểu biết sâu sắc về các nền văn hóa khác nhau của thế giới và các mối quan hệ giữa các nền văn hóa đó. Việc này được tiếp nối bằng một dự án về 'Nhận thức sâu sắc chung về các giá trị văn hóa phương Đông và phương Tây' được khởi đầu vào năm 1957 và kéo dài trong chín năm. Năm 1966, Đại hội đồng thông qua văn kiện nổi tiếng - Tuyên bố về Các nguyên tắc hợp tác văn hóa quốc tế. Tuyên bố xác định những đặc điểm thiết yếu của các chính sách hợp tác quốc tế của UNESCO trong lĩnh vực văn hóa bằng tuyên bố rằng mỗi nền văn hóa đều có phẩm chất và giá trị phải được tôn trọng và bảo tồn, rằng mọi dân tộc đều có quyền và nghĩa vụ phát triển nền văn hóa của mình, và rằng tất cả các nền văn hóa tạo thành một phần di sản chung của nhân loại, qua đó tạo cơ



Ảnh © Vanuatu National Cultural Council



Ảnh © Mairie de Douai

sở cho việc phát triển hơn nữa các chính sách về di sản văn hóa của UNESCO. Mặc dù rất có khả năng là Tuyên bố đã không sử dụng khái niệm di sản theo ý nghĩa pháp lý của nó, nhưng cụm từ 'di sản của nhân loại' đã trở thành một yếu tố chủ chốt của các chính sách văn hóa trong lĩnh vực di sản văn hóa của UNESCO.

Sự cần thiết phải có các chính sách nhằm mục đích phát triển khái niệm 'di sản của nhân loại', ít nhất là cho di sản vật thể, được cảm nhận mạnh mẽ sau cuộc vận động Nubia ở Ai Cập, được khởi đầu vào năm 1960. Đây là ví dụ nổi bật nhất về một hoạt động thành công trong việc cảnh báo công luận quốc tế nhằm ủng hộ cho một chiến dịch bảo vệ di sản. Hai năm sau, các đền thờ ở Abu Shimbil, được dựng lại ở độ cao 64 mét phía trên địa điểm ban đầu của nó, đã chính thức được khánh thành. Một hoạt động khác nhằm bảo vệ di sản văn hóa kiến trúc là Cuộc vận động nhằm bảo vệ Venice được bắt đầu vào năm 1962, hay là việc Đại hội đồng thông qua bản Khuyến nghị liên quan đến việc Bảo tồn Di sản Văn hóa bị các công trình công cộng hoặc tư nhân đe dọa vào ngày 19 tháng 11 năm 1968, tiếp đó là Công ước về các biện pháp Ngăn cấm xuất nhập khẩu và chuyển giao trái phép quyền sở hữu tài sản văn hóa năm 1970.

Chắc chắn là những cuộc vận động và hành động có hiệu lực pháp lý này đã góp phần nâng cao nhận thức về vai trò của văn hóa trong sự phát triển kinh tế. Trong bối cảnh chính trị phi thực dân

hóa và Chiến tranh lạnh, một Hội nghị Liên Chính phủ về Các phương diện Tài chính, Hành chính và Thể chế của văn hóa đã được triệu tập tại Venice, Italia, từ ngày 24/8 đến ngày 2/9 năm 1970. Hội nghị này đánh dấu sự xuất hiện của những khái niệm như 'phát triển văn hóa' và 'khía cạnh văn hóa của sự phát triển', và khuyến khích thảo luận về cách thức có thể tích hợp các chính sách văn hóa vào các chiến lược phát triển. Hội nghị khẳng định là tính đa dạng của các nền văn hóa quốc gia, sự độc đáo và tính chất gốc của chúng là một cơ sở cốt yếu cho sự tiến bộ của con người và sự phát triển của nền văn hóa thế giới. Hội nghị nhận thức rõ rằng các nền văn hóa bản địa ở nhiều nước đang bị đe dọa bởi, do thiếu các nguồn lực, các sơ sở đào tạo và những người đã được đào tạo, rất ít điều đang được làm để bảo tồn di sản văn hóa của họ. Do vậy, cơ sở cho sự hợp tác với các tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực văn hóa được lập ra với tuyên bố rằng các Quốc gia thành viên nên phối hợp với các tổ chức phi chính phủ càng chặt chẽ càng tốt trong việc soạn thảo kỹ lưỡng và thực hiện các chính sách văn hóa của quốc gia.

Bên cạnh hoạt động trong lĩnh vực bản quyền và bảo vệ tài sản văn hóa, như được đề cập đến trong các công ước 1952, 1954 và 1970, UNESCO có khuynh hướng xúc tiến các chính sách liên quan đến các ngành công nghiệp văn hóa và di sản như là một biện pháp tích cực cho phát triển ở tất cả các Quốc gia thành viên, không phân biệt mức độ phát triển của mỗi nước.

Năm 1972, UNESCO thông qua một kế hoạch mười năm cho nghiên cứu về các truyền thống truyền khẩu châu Phi và quảng bá các Ngôn ngữ của châu Phi. Lễ hội Nghệ thuật Thái Bình Dương đầu tiên được tổ chức tại Fiji và hai đợt nghiên cứu văn hóa Mỹ Latin được khởi đầu. Khái niệm di sản văn hóa đến lúc đó không phải chỉ giới hạn hoàn toàn trong lĩnh vực vật thể. Tuy nhiên, trên cơ sở Tuyên bố 1966, thành công của cuộc vận động Nubia và các nguyên tắc được xác định tại Venice năm 1970, hoạt động có ý nghĩa quan trọng nhất được UNESCO thực hiện trong năm 1972 là thông qua Công ước liên quan đến việc Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới. Công ước này, có lẽ là văn kiện pháp lý phổ cập nhất trong lĩnh vực di sản văn hóa hiện nay, đã tăng cường việc nhận diện di sản văn hóa là di sản vật thể bởi nó chỉ hạn chế phạm vi ở các công trình kỷ niệm, các quần thể công trình kiến trúc và tất cả địa điểm thuộc các loại hình di sản vật thể. Giống như Công ước Hague, Công ước 1972 tập trung vào di sản văn hóa bất động sản - trong trường hợp này là những tài sản có giá trị nổi bật toàn cầu - nhưng Công ước cũng đưa ra khái niệm 'di sản của nhân loại'. Với cách tiếp cận có tính lập trình của nó, dựa trên phương thức ghi danh di sản vào danh sách và sử dụng bộ tài liệu Hướng dẫn triển khai hoạt động, Công ước 1972 đã củng cố các chính sách bảo tồn di sản, và trở thành nguồn tham khảo chuẩn cho việc quan tâm xây dựng các chính sách bảo tồn di sản như là một công cụ của phát triển, chủ yếu thông qua ngành du lịch.

Do các khía cạnh pháp lý của quyền sở hữu trí tuệ tập thể, khi đó di sản văn hóa phi vật thể chưa được xác định rõ ràng và đã không được đưa vào trong phạm vi hoạt động của Công ước 1972. Năm 1973, Chính phủ Bolivia đã đề nghị bổ sung một Nghị định thư vào Công ước Toàn cầu về Bản quyền đã được sửa đổi năm 1971, nhằm cung cấp một khuôn khổ pháp lý cho việc bảo vệ văn hóa dân



Ảnh © Luis Simoes / UNESCO

gian. Đề nghị này đã không được chấp thuận. Một năm sau, hội nghị chuyên gia cấp chính phủ, được tổ chức ở Tunis với sự hỗ trợ của UNESCO và WIPO (Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới), bắt đầu công việc soạn thảo một văn kiện pháp lý chuẩn liên quan đến việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ có thể áp dụng cho các loại hình văn hóa nói trên.

Một vài hội nghị chuyên đề khu vực đã được tổ chức như là hoạt động tiếp theo Hội nghị Venice năm 1970. Tại Hội nghị Liên Chính phủ về các Chính sách Văn hóa ở châu Phi họp tại Accra (1977), các chuyên gia đã yêu cầu mở rộng định nghĩa về văn hóa ra ngoài phạm vi mỹ thuật và di sản vật thể để bao hàm được cả các thể giới quan, các hệ giá trị và tín ngưỡng. Một năm sau, 'Tuyên bố Bogota', được Hội nghị Liên Chính phủ về các Chính sách Văn hóa ở Mỹ Latin và khu vực Caribbean thông qua, nhấn mạnh rằng phát triển văn hóa phải nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của các cộng đồng và cá nhân. Tuyên bố cũng nói rõ là tính xác thực của văn hóa dựa trên cơ sở công nhận đối với các thành phần của bản sắc văn hóa, bất kể nguồn gốc địa lý của chúng là gì và chúng đã hòa trộn với nhau như thế nào, và rằng mọi dân tộc hay nhóm dân tộc đều có quyền và nghĩa vụ quyết định một cách độc lập bản sắc văn hóa của chính mình, căn cứ vào lịch sử của dân tộc, vào các giá trị độc đáo và khát vọng của dân tộc, và vào ý chí độc lập và tự chủ của dân tộc đó.

1982 - 2000: từ Mondiacult đến Sự đa dạng Sáng tạo của Chúng ta

Các cuộc họp tiếp theo hội nghị Venice đã được khép lại bằng Hội nghị thế giới về các Chính sách Văn hóa diễn ra tại Thành phố Mexico năm 1982, viết tắt là Mondiacult. Khoảng 960 đại biểu từ 126 Quốc gia trong tổng số 158 Quốc gia thành viên của UNESCO đã tham dự Hội nghị. Thành công của Công ước 1972 và tầm quan trọng của việc bảo vệ các tài sản văn hóa bất động sản và tài sản thiên nhiên đã làm lu mờ ý nghĩa đáng kể của các loại hình di sản khác và của sản phẩm văn hóa được coi là phương tiện của phát triển. Mục đích của hội nghị này là xem xét lại kiến thức và kinh nghiệm thu được từ các chính sách và thực hành văn hóa sau hội nghị Venice năm 1970, đẩy mạnh nghiên cứu về các vấn đề cơ bản của văn hóa trong thế giới đương đại, xây dựng định hướng chỉ đạo mới nhằm xúc tiến sự phát triển văn hóa trong các dự án phát triển chung và tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác văn hóa quốc tế.

Hội nghị nhất trí bác bỏ sự phân cấp, xếp hạng giữa các nền văn hóa, bởi vì không gì có thể biện minh cho sự phân biệt đối xử giữa 'các nền văn hóa thượng đẳng' và các nền văn hóa hạ cấp'. Hội nghị một lần nữa khẳng định nghĩa vụ của mỗi quốc gia thành viên là phải tôn trọng tất cả các nền văn hóa. Hội nghị nhấn mạnh rằng bản sắc văn hóa là vũ khí để bảo vệ truyền thống, lịch sử và các giá trị đạo đức, tinh thần và tâm linh được các thế hệ đi trước truyền lại. Hội nghị đề nghị là các cách thực hành văn hóa hiện tại và tương

lai cũng hữu ích như các truyền thống văn hóa trước đây và nhấn mạnh rằng cả các chính phủ lẫn các cộng đồng đều cần tham gia vào việc xây dựng các chính sách văn hóa. Vì thế, các cơ quan chính phủ cũng như xã hội dân sự cần tham gia vào việc xây dựng các chính sách văn hóa.

Một trong những thành tích quan trọng nhất của Hội nghị là việc định nghĩa lại khái niệm văn hóa. Hội nghị tuyên bố rằng di sản ngày nay cũng bao hàm mọi giá trị của văn hóa được thể hiện trong cuộc sống hằng ngày, và các hoạt động được trông đợi sẽ duy trì các phương thức sống và các loại hình biểu đạt chuyển tải các giá trị đó đang ngày càng được coi trọng. Hội nghị nhận xét là sự quan tâm hiện nay đang được dành cho việc bảo tồn 'di sản phi vật thể', điều này có thể được coi là một trong những phát triển có tính xây dựng nhất của thập kỷ trước đó. Đây là một trong những lần đầu tiên thuật ngữ 'di sản phi vật thể' được chính thức sử dụng.

Bên cạnh việc định nghĩa lại khái niệm văn hóa (bằng việc đưa thêm vào định nghĩa không chỉ nghệ thuật và văn học, mà cả phương thức sống, các quyền cơ bản của con người, các hệ thống giá trị, truyền thống và tín ngưỡng), Hội nghị đã thông qua bản Tuyên bố Thành phố Mexico về các Chính sách Văn hóa, trong đó một định nghĩa mới về di sản văn hóa. Định nghĩa này bao hàm các di sản vật thể và phi vật thể - những di sản mà thể hiện tính sáng tạo của con người: ngôn ngữ, lễ nghi, tín ngưỡng, các địa điểm lịch sử và công trình kỷ niệm, văn học, các tác phẩm nghệ thuật, văn thư và thư viện. Hơn thế, Tuyên bố Mexico còn nói rõ là mỗi nền văn hóa tiêu biểu cho một kho tàng giá trị độc đáo và không thể thay thế được bởi vì truyền thống và các loại hình biểu đạt của mỗi dân tộc là những phương tiện hữu hiệu nhất chứng tỏ sự hiện diện của dân tộc đó trên thế giới. Theo cách hiểu này, Tuyên bố cũng nhận xét rằng bản sắc văn hóa và sự đa dạng văn hóa không thể tách rời nhau, và rằng việc công nhận sự có mặt của



Ảnh © Burke-Clu, Agency for Cultural Affairs



Ảnh © Lương Lữ

🎭 Kịch Kabuki, Nhật Bản

🎭 Nghệ thuật Muqam của người Uyghur ở tỉnh Tân Cương, Trung Quốc

🎭 Lễ hội Samba de Roda của vùng Recôncavo ở Bahia, Brazil

đa dạng bản sắc văn hóa ở những nơi có nhiều truyền thống khác nhau cùng tồn tại bên nhau, đó chính là yếu tố cốt yếu của sự đa nguyên văn hóa.

Hội nghị đề nghị UNESCO không chỉ phát triển các chương trình nhằm bảo tồn di sản văn hóa là các công trình kiến trúc và địa điểm lịch sử, mà cả các chương trình và các hoạt động nhằm bảo vệ và nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là các truyền thống truyền khẩu. Những hoạt động này sẽ được diễn ra ở các cấp song phương, tiểu khu vực, khu vực và đa quốc gia. Các chương trình này sẽ dựa trên cơ sở sự công nhận về tính phổ quát, tính đa dạng và tôn trọng phẩm chất của các dân tộc và các nền văn hóa. Trong khi công nhận ý nghĩa quan trọng của di sản văn hóa của các tộc người thiểu số nằm trong các Quốc gia, Hội nghị cũng nhấn mạnh là, liên quan đến các giá trị và truyền thống văn hóa và tinh thần, các nền văn hóa của các nước Nam bán cầu có thể còn làm được nhiều việc để đem lại sức sống mới cho các nền văn hóa của phần còn lại của thế giới.

Hội nghị đề nghị các Quốc gia thành viên và các tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực văn hóa tăng cường phát triển các chính sách bảo vệ di sản của họ để bao quát được tổng thể các truyền thống văn hóa, không chỉ giới hạn ở di sản nghệ thuật mà cả các di sản biểu đạt, trong đó có cả nghệ thuật dân gian và văn hóa dân gian, các truyền thống truyền khẩu và phong tục tập quán văn hóa. Hội nghị khẳng định rằng bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống của một dân tộc phải là một phần thiết yếu của bất kỳ chương trình nào được xây dựng nhằm mục đích khẳng định bản sắc văn hóa của dân tộc, và rằng văn hóa dân gian, với tư cách là một thành phần cơ bản của di sản quốc gia của một nước, cũng cần phải bao gồm cả những khía cạnh như ngôn ngữ, truyền thống truyền khẩu, tín ngưỡng, các hoạt động tương niệm, tập quán ăn uống, y dược học, công nghệ..., và do vậy, Hội nghị khuyến nghị rằng các Quốc gia thành viên nên dành sự công

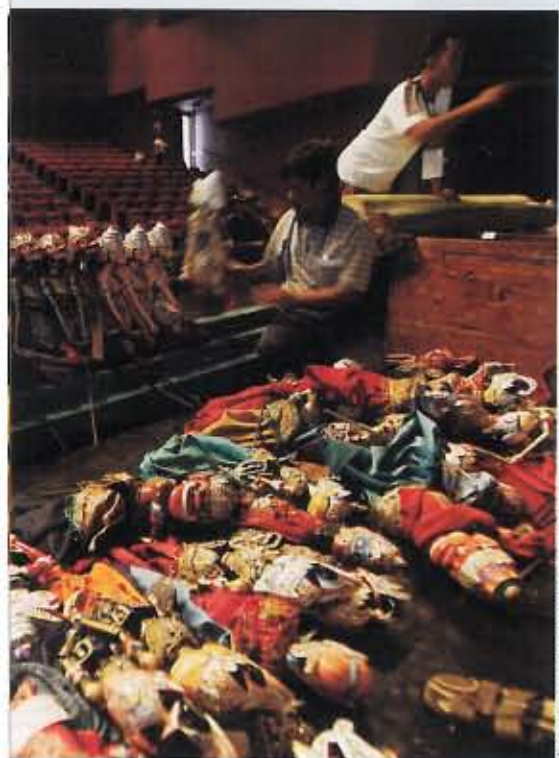
nhận tương tự cho các khía cạnh chưa được công nhận của các truyền thống văn hóa như những hiện vật nghệ thuật hoặc lịch sử, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho các hoạt động nhằm bảo tồn, phát huy và phổ biến chúng.

Năm 1984, hai năm sau Hội nghị Mondiacult, một hội nghị khác được tổ chức tại Rio de Janeiro, Brazil, để thảo luận về việc bảo tồn và phát triển các nghề thủ công trong thế giới hiện đại. Sau đó, trên cơ sở Các điều khoản mẫu cho Luật Quốc gia về Bảo vệ các biểu đạt Văn hóa dân gian chống lại sự khai thác trái phép hoặc những hành động gây tổn hại khác được thông qua tại Tunis, một dự thảo hiệp ước được UNESCO và WIPO chuẩn bị trong năm 1984 nhưng đã không được đưa vào sử dụng. Việc bảo vệ mang tính pháp lý đối với văn hóa dân gian còn phải đợi thêm năm năm nữa. Tuy vậy, một số hoạt động trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể đã được tiến hành, ví dụ như việc soạn thảo một cuốn sách về những ngôn ngữ ở Bắc Cực và một dự án thí điểm kết hợp truyền thống với việc đổi mới văn hóa trong phát triển nông thôn khởi đầu tại Mali vào năm 1987. Năm trước đó, 1986, Hội đồng Kinh tế và Xã hội (ECOSOC) đã khuyến nghị Đại hội đồng Liên Hợp Quốc ra quyết định về việc tuyên bố một thập kỷ phát triển văn hóa của thế giới, dựa trên cơ sở dự thảo kế hoạch hành động được Tổng giám đốc UNESCO đệ trình.

Vào năm 1989, một hội nghị quốc tế của các chuyên gia được nhóm họp tại Hammamet, Tunisia để bàn về việc xây dựng một Kế hoạch mười năm phát triển các nghề thủ công trên thế giới trong giai đoạn từ năm 1990 đến năm 1999. Trong cùng năm đó, tức là bảy năm sau Mondiacult, Đại hội đồng UNESCO đã thông qua Khuyến nghị về việc Bảo vệ Văn hóa Truyền thống và Dân gian, văn kiện pháp lý đầu tiên hướng tới việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Văn kiện này đã phản ánh những mong muốn đã được nêu ra tại Hội nghị Mondiacult. Nhằm quảng bá và đẩy mạnh việc thực



Ảnh © David Smith / UNESCO



Ảnh © Yusuf Shimizu, www.yusufshimizu.com

📖 Tác phẩm thảm trang trí, Thổ Nhĩ Kỳ

📖 Nhà hát múa rối Wayang Indonesia

hiện Khuyến nghị trong những năm tiếp theo, UNESCO đã tổ chức các khóa tập huấn, hỗ trợ việc lập các danh mục kiểm kê, soạn thảo các kế hoạch bảo vệ, phục hồi và phổ biến di sản văn hóa phi vật thể của các nhóm người bản địa và thiểu số, và tổ chức nhiều lễ hội của các nền văn hóa truyền thống. Một mạng lưới các hoạt động văn hóa dân gian được thiết lập, các đĩa CD của Bộ Sưu tập Âm nhạc Truyền thống của Thế giới của UNESCO được phát hành, cũng như sổ tay hướng dẫn về *Sưu tập di sản âm nhạc, Tập bản đồ các ngôn ngữ có nguy cơ bị mai một của thế giới*, cuốn *Chỉ dẫn phương pháp luận về việc bảo vệ văn hóa truyền thống và dân gian khỏi bị khai thác mang tính thương mại một cách không thích hợp*, và tài liệu 'Đạo đức và Văn hóa Truyền thống'. Tám hội nghị chuyên đề về thực hiện Khuyến nghị 1989 được tổ chức nhưng không đưa đến những kết quả bền vững.

Khuyến nghị này đã nâng cao được nhận thức về sự cần thiết phải dành sự chú ý đặc biệt đối với di sản văn hóa phi vật thể và các lĩnh vực liên quan. Năm 1990, Giải thưởng Nghệ Thủ công của UNESCO lần đầu tiên được trao tại Hội chợ Ngành nghệ Thủ công được tổ chức tại Ouagadougou, Burkina Faso, và Quỹ xúc tiến Văn hóa quốc tế đã bắt đầu một dự án thí điểm về bảo vệ những bài ca của những người thợ xây ngói ở Maharashtra, Ấn Độ, nhằm chứng minh rằng những hình thức của truyền thống truyền khẩu bị cho là đã mai một có thể được phục hồi và thậm chí còn có thêm động lực văn hóa mới. Sau thành công ở cấp địa phương, dự án này đã được mở rộng ra toàn bang Maharashtra. Năm 1992, tại một hội nghị quốc tế tại Jog Jakarta, Indonesia, một bộ sưu tập video mới của UNESCO về nghệ thuật trình diễn được giới thiệu với đầu đề 'Nhạc, Vũ và Kịch Truyền thống của Thế giới'. Trong tháng Mười một cùng năm, một hội nghị khu vực về Phương diện Văn hóa của phát triển ở châu Phi được tổ chức với chủ đề: Quyết định, Tham gia và các Hoạt động Kinh doanh, đã được UNESCO,

Ngân hàng Thế giới và UNICEF đồng tổ chức với sự hợp tác của Bộ Văn hóa Bờ Biển Ngà, tại Abidjan, Bờ Biển Ngà. Trong năm 1993, một dự án có tên gọi Sách đỏ của UNESCO về các Ngôn ngữ đang có nguy cơ mai một được bắt đầu và sau đó được tiếp nối bằng việc Trường Đại học Tổng hợp Tokyo lập một cơ sở dữ liệu về vấn đề này vào năm 1995. Năm 1993, hệ thống Những Báu vật Nhân văn Sống được bắt đầu xây dựng, theo đề nghị của Hàn Quốc tại kỳ họp lần thứ 142 của Hội đồng Chấp hành (UNESCO).

Năm 1991, Đại hội đồng đã thông qua một nghị quyết đề nghị Tổng Giám đốc, cùng với Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc, lập một Ủy ban Thế giới về Văn hóa và Phát triển hoạt động một cách độc lập. Ủy ban này sẽ chịu trách nhiệm soạn thảo một báo cáo về 'Văn hóa và Phát triển', và đề xuất những vấn đề liên quan đến các hoạt động khẩn cấp và dài hạn nhằm đáp ứng các nhu cầu văn hóa trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội. Ủy ban Thế giới được thành lập trong tháng 12 năm 1992, do Janvier Pérez de Cuéllar, cựu Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc, làm Chủ tịch.

Báo cáo này, có tên là *Sự đa dạng sáng tạo của chúng ta*, làm nổi bật sự phong phú của di sản vật thể và phi vật thể đã được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Báo cáo ghi nhận rằng di sản này được thể hiện một cách tiêu biểu trong ký ức tập thể của các cộng đồng trên khắp thế giới và rằng di sản này cũng có ý thức của họ về bản sắc trong những lúc có sự biến đổi. Trong khi tiếp tục định hướng của UNESCO liên quan đến sự cần thiết phải bảo vệ văn hóa và sự đa dạng văn hóa, Báo cáo cũng nêu bật rằng các di sản vật thể (các công trình kiến trúc, tác phẩm nghệ thuật, đồ thủ công) được hưởng lợi nhiều nhất từ các chính sách bảo tồn di sản văn hóa. Đồng thời, Báo cáo cũng lưu ý là di sản văn hóa phi vật thể rất dễ bị tổn thương đã không nhận được sự chú ý như vậy, và nhắc lại rằng chính những thứ không có cấu trúc vật chất như tên địa phương hay

truyền thống địa phương cũng là một phần của di sản văn hóa.

Ủy ban cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của các chính sách bảo tồn di sản như là một phần của sự phát triển kinh tế. Xét thấy di sản văn hóa phi vật thể vẫn chưa được quan tâm một cách thích đáng, các chuyên gia nhắc nhở là ở mọi khía cạnh, di sản văn hóa chưa được sử dụng một cách rộng rãi và hiệu quả như vốn có, và nó cũng không được quản lý một cách thận trọng như yêu cầu đặt ra. Ủy ban nhấn mạnh rằng Công ước liên quan đến việc Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới, với tư cách là một văn kiện pháp lý chỉ có thể áp dụng cho di sản vật thể, phản ánh sự quan tâm tới loại hình di sản được đánh giá cao ở các nước phát triển nhưng không thích hợp cho các loại hình di sản phổ biến nhất ở các khu vực, nơi sinh lực văn hóa được tập trung trong những hình thái biểu đạt khác như các đồ tạo tác, vũ điệu hay các truyền thống truyền khẩu. Tiếp theo, các chuyên gia kêu gọi cần phát triển các thể thức công nhận khác để phù hợp với mức độ thật sự đa dạng và phong phú của di sản hiện diện trên toàn thế giới.

Bản báo cáo *Sự đa dạng sáng tạo của chúng ta* cũng cung cấp thêm chi tiết về các vấn đề đang gặp phải trong việc bảo vệ di sản từ quan điểm chính trị, đạo đức và tài chính. Báo cáo cũng đã cảnh báo về trò ảo thuật chính trị có khả năng biến những sự phức tạp của các chứng cứ văn hóa vật thể thành những thông điệp được đơn giản hóa về bản sắc văn hóa. Những thông điệp như vậy có xu

hướng chỉ tập trung vào những dấu tích vật chất mang tính biểu tượng, không có lợi cho các hình thức văn hóa mang tính phổ biến, hay các biểu đạt văn hóa và sự thật lịch sử. Từ quan điểm đạo đức, các nghiên cứu về nhân học đã phát triển sang các phạm trù ít liên quan đến chuyên môn hơn như việc những người du lịch quan tâm đến 'nghệ thuật dân tộc' làm tăng nhu cầu "nhân tạo" trong nghệ thuật làm cho các truyền thống văn hóa bị sản xuất hóa, diễn ra những hoạt động thực hành xem ra có vẻ lễ nghi với hình thức phục trang, âm nhạc, vũ điệu và các đồ thủ công song không thực và không đúng bối cảnh. Liên quan đến vấn đề tài chính của việc công nhận các quyền sở hữu trí tuệ đối với những hình thức thể hiện riêng biệt của di sản văn hóa phi vật thể, Ủy ban đưa ra bốn vấn đề, hay là những rủi ro, liên kết với nhau và cần được xem xét:

- tính nguyên gốc**, liên quan đến quy định về việc tái tạo nghệ thủ công truyền thống;
- sự chiếm đoạt**, liên quan đến việc di dời các đồ tạo tác và tài liệu có giá trị ra khỏi nơi bắt nguồn của chúng;
- việc đền bù**, liên quan đến thực tế là các cá nhân hay cộng đồng ở nơi bắt nguồn của di sản dân gian không được đền bù;
- mỗi lo ngại về sự **thương mại hóa**, điều sẽ có tác động phá hoại đối với chính văn hóa dân gian.

Báo cáo cũng nêu bật những vấn đề liên quan đến việc công nhận các quyền sở hữu trí tuệ, và đề nghị là ý niệm 'sở hữu trí tuệ' có thể không hẳn là khái niệm đúng được sử dụng khi liên quan tới các truyền thống sáng tạo sống. Thay vào đó, báo cáo đưa ra ý tưởng phát triển một khái niệm mới dựa trên những quan niệm vốn có trong luật tục truyền thống. Báo cáo cũng bàn đến những vấn đề liên quan tới việc nhận biết di sản văn hóa nào có thể được bảo vệ và việc quyết định *cái gì* nên được bảo vệ, bởi vì có rất ít quốc gia đã kiểm kê các di sản văn hóa của họ - công việc cho phép người ta xác lập một thứ tự ưu tiên, và lựa chọn, nào đó.

Năm tiếp theo việc xuất bản báo cáo *Sự đa dạng sáng tạo của chúng ta*, sau một loạt diễn đàn khu vực về việc bảo vệ văn hóa dân gian được UNESCO và Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới cùng tổ chức, và một Hội nghị Liên Chính phủ về các Chính sách Ngôn ngữ của châu Phi, Tổng Giám đốc UNESCO đưa ra hai hành động song song: bắt đầu chương trình Công bố các Kiệt tác của Di sản Truyền khẩu và Phi vật thể của Nhân loại, thể hiện một bước tiến lớn nhằm hướng tới việc nâng cao nhận thức trên phạm vi toàn thế giới về sự cần thiết phải bảo vệ loại hình di sản này, và tiến hành nghiên cứu về khả năng xây dựng một văn kiện chuẩn cho việc bảo vệ văn hóa truyền thống và văn học dân gian.

Mục đích của Công bố này là nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của di sản phi vật thể thông qua một hình thức danh hiệu quốc tế mới, tạo nên một phong trào bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể trên toàn thế giới.

Từ năm 2000 và việc soạn thảo công ước

Mặc dù Tuyên bố Mexico đã có những ý định tốt, song cộng đồng quốc tế phải mất hơn 20 năm để xây dựng và phát triển các văn kiện quy chuẩn để cập tới bản sắc văn hóa và đa dạng văn hóa như

📖 Truyền thống cầu kinh Vê-đa, Ấn Độ



Ảnh © United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization

là những yếu tố cơ bản của chính sách phát triển.

Vào cuối thập kỷ 1990, sau nhiều cuộc họp khu vực, các chuyên gia đã tổ chức hội nghị cuối cùng có tên gọi là "Đánh giá Toàn cầu đối với Khuyến nghị 1989 về Bảo vệ Văn hóa Truyền thống và Văn hóa Dân gian: Trao quyền cho Địa phương và Hợp tác Quốc tế" được Viện Smithsonian, Hoa Kỳ và UNESCO đồng tổ chức tại Washington. Hội nghị đi đến kết luận là cần có một văn kiện có tính ràng buộc pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Các chuyên gia cũng nhận thấy rằng Khuyến nghị 1989 tập trung quá nhiều vào công tác tư liệu hóa mà chưa đủ hiệu lực để bảo vệ các tập tục và truyền thống sống, các nhóm người và cộng đồng là những chủ thể của các cách thực hành và truyền thống này. Các chuyên gia cũng nhấn mạnh đến sự cần thiết phải sử dụng một hệ phương pháp có tính tổng thể bao gồm không chỉ các sản phẩm nghệ thuật như các câu chuyện, bài hát..., mà còn cả tri thức và các giá trị để làm ra chúng, những qui trình sáng tạo ra các sản phẩm này và các cách thức tác động với nhau qua đó những sản phẩm này được đón nhận một cách thích hợp và được công nhận với sự đánh giá cao. Hội nghị cũng khuyến nghị là thuật ngữ 'di sản văn hóa phi vật thể' được giữ lại trong văn kiện quy chuẩn mới thay cho thuật ngữ 'văn hóa dân gian' bị một số cộng đồng cảm thấy chính thuật ngữ này làm giảm giá trị văn hóa (của họ). Thuật ngữ 'di sản văn hóa phi vật thể' được đề xuất vì thích hợp

hơn với việc xác định rõ các quy trình được biết đến cùng với tri thức, kỹ năng và tính sáng tạo của các tộc người, cho ta biết những nét chủ yếu của họ, những sản phẩm mà họ tạo nên, và tài nguyên, không gian và các khía cạnh khác của bối cảnh tự nhiên và xã hội cần thiết cho sự tồn tại bền vững của họ - những quy trình đem lại cho các cộng đồng đang sống ý thức về tính kế tục với các thế hệ trước và có ý nghĩa quan trọng đối với bản sắc văn hóa, cũng như đối với việc bảo vệ sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của nhân loại.

Theo đề nghị của các Quốc gia thành viên, năm 2001, Tổng Giám đốc đã đệ trình một báo cáo nghiên cứu sơ bộ về tính chất thích hợp của sự quy định trên bình diện quốc tế, thông qua một văn kiện định chuẩn mới, việc bảo vệ văn hóa truyền thống và văn hóa dân gian. Báo cáo đi đến kết luận là sở hữu trí tuệ không đem lại sự bảo vệ thích hợp cho các biểu đạt của di sản văn hóa phi vật thể và một cơ chế *sui generis* (riêng) cụ thể cho mục đích này cần được phát triển. Nó cũng kết luận là bởi vì các văn kiện đã được thông qua trong lĩnh vực di sản văn hóa chủ yếu liên quan đến di sản văn hóa vật thể mà không đề cập rõ ràng tới di sản văn hóa phi vật thể, chúng không thể đem lại một khuôn khổ thỏa đáng cho việc bảo vệ, một phần là do chính bản chất của di sản văn hóa phi vật thể. Do vậy, báo cáo khuyến nghị là cần có một văn kiện quy chuẩn mới được soạn thảo trên cơ sở Tuyên bố Toàn cầu về Nhân quyền (Liên Hợp Quốc, 1948) và việc đề xuất những nguyên tắc chính của văn kiện mới này nên căn cứ vào đó. Những nguyên tắc cơ bản này có thể là:

■ di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ về cơ bản là di sản được sáng tạo và thực hành bởi các thành viên thuộc các cộng đồng đã làm ra và duy trì nó;

■ chỉ có thể ngăn chặn sự mai một của di sản văn hóa phi vật thể bằng cách đảm bảo là những ý nghĩa, các điều kiện cho phép và những kỹ năng liên quan đến việc sáng tạo, thực hành và truyền thụ di sản có thể tái tạo;

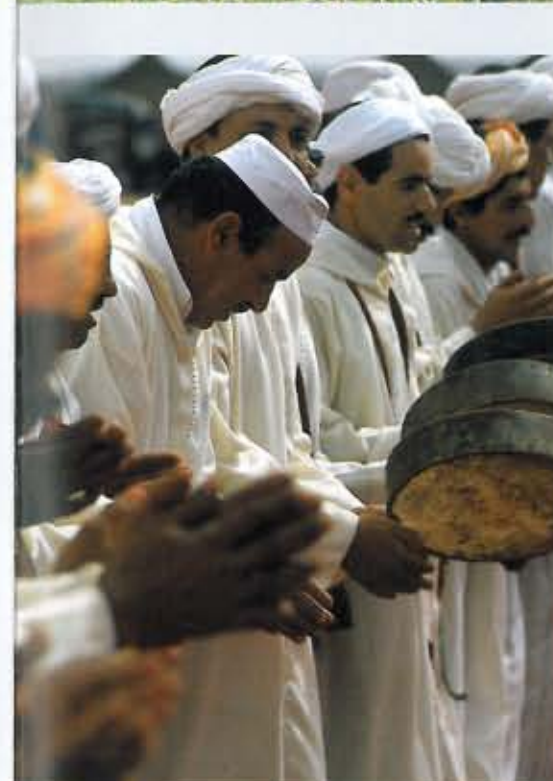
■ bất kỳ văn kiện nào liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể cũng phải tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích, bảo vệ quyền và năng lực của các cộng đồng tiếp tục thực hành di sản văn hóa phi vật thể của họ thông qua việc phát triển những cách tiếp cận của chính họ đối với việc quản lý và duy trì nó;

■ chia sẻ văn hóa của một cộng đồng và đối thoại văn hóa nhằm tăng cường sáng tạo với điều kiện là việc công nhận và những sự trao đổi đảm bảo hợp tình, hợp lý.

Theo các khuyến nghị của Hội nghị Washington, báo cáo đề nghị sử dụng thuật ngữ 'di sản văn hóa phi vật thể' thay cho cụm từ 'văn hóa dân gian' không còn thích hợp và thảo ra định nghĩa đầu tiên về thuật ngữ này, đồng thời nêu ra một loạt lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. Hội đồng Chấp hành của UNESCO (cơ quan được thành lập theo văn kiện thành lập UNESCO chịu trách nhiệm đảm bảo việc thực hiện hợp lý và có hiệu quả chương trình và ngân sách đã được Đại hội đồng UNESCO thông qua). Hội đồng kêu gọi cần có thảo luận chi tiết hơn về các khía cạnh thuộc về khái niệm và định nghĩa về di sản văn hóa phi vật thể, nhằm, một cách cụ thể, làm cho định nghĩa được giữ lại phù hợp với Công bố các Kiệt tác của Di sản Truyền khẩu và Phi vật thể của Nhân loại. Báo cáo cũng lưu ý là việc bảo vệ những di sản như thế không nên hạn chế ở hành động quy chuẩn và nhấn mạnh sự cần thiết có sự làm việc chặt chẽ với WIPO và nghiên cứu về phạm vi của việc bảo vệ.



Ảnh © Malawi National Commission for UNESCO



Ảnh © UNESCO/Michel Rattazaro

📍 Vũ điệu Gule Wamkulu ở Malawi, Mozambique và Zambia

📍 Hội họp Moussem hàng năm ở Tan-tan, Ma-rốc

Tháng 9 năm 2001, Đại hội đồng UNESCO thông qua Tuyên bố Toàn cầu về Đa dạng Văn hóa, trong đó Điều 7 của văn kiện này nhận xét là di sản ở mọi hình thức của nó phải được bảo tồn, phát huy và truyền thụ cho các thế hệ tương lai như là cơ sở dữ liệu lưu lại kinh nghiệm và những khát vọng của con người, nhằm tăng cường tính sáng tạo với tất cả sự đa dạng của nó và truyền cảm hứng cho cuộc đối thoại thực sự giữa các nền văn hóa. Tuyên bố này làm cơ sở cho việc xây dựng văn kiện quy chuẩn về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Trong Kế hoạch Hành động đi kèm với bản Tuyên bố Toàn cầu này, các Quốc gia thành viên của UNESCO quyết định có những bước đi nhằm lập ra những chính sách và chiến lược bảo tồn và phát huy di sản văn hóa và thiên nhiên, nhất là di sản văn hóa truyền khẩu và phi vật thể. Họ cũng nói đến sự cần thiết phải tôn trọng và bảo vệ tri thức truyền thống, đặc biệt là tri thức truyền thống của các dân tộc bản địa, và công nhận sự đóng góp của tri thức truyền thống đối với việc bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên, cũng như đối với việc thúc đẩy những sự hiệp lực giữa khoa học hiện đại và tri thức địa phương. Do vậy, Đại hội đồng cũng quyết định sẽ làm việc hướng tới một văn kiện quy chuẩn quốc tế, tốt nhất là một công ước, trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

Cùng năm đó (2001), Đại hội đồng đã thông qua Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa Dưới nước, văn kiện xác lập một chuẩn mực bảo vệ các di chỉ khảo cổ dưới nước, có thể sánh với những chuẩn mực của các công ước khác của UNESCO đối với di sản văn hóa trên đất liền. Những quy định của công ước này được nối kết với Công ước 1970 của UNESCO và Công ước 1995 của UNIDROIT, bởi vì nó chứa đựng những điều khoản chi tiết liên quan đến việc ngăn chặn việc buôn bán trái phép tài sản văn hóa được tìm thấy lại từ biển. Tuy nhiên, văn kiện này không có một điều khoản về quyền đòi được hoàn trả.

Vào năm 2002, Năm Di sản Văn hóa của Liên Hợp Quốc, vai trò của các chính sách về di sản văn hóa, và đặc biệt là các chính sách di sản phi vật thể, trong phát triển đã thúc đẩy việc phát triển một khuôn khổ pháp lý cho loại hình di sản này. Tháng 9 năm 2002, các đại biểu của 110 Quốc gia thành viên của UNESCO, trong đó có 72 bộ trưởng văn hóa, đã tham gia một hội nghị bàn tròn về Di sản Phi vật thể và Đa dạng Văn hóa, ở Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ. Họ đã thông qua Tuyên bố Istanbul trong đó các đại biểu công nhận giá trị của di sản văn hóa phi vật thể và khuyến nghị việc thông qua một công ước quốc tế mới.

Cũng trong tháng 9 năm 2002, hội nghị Liên Chính phủ đầu tiên của các chuyên gia thảo luận về dự thảo Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể đã được nhóm họp tại Paris. Các chuyên gia đã bàn luận về việc có nên sử dụng một định nghĩa rộng về di sản văn hóa phi vật thể hay không, bởi vì họ e ngại rằng cách hiểu rộng và không rõ ràng về thuật ngữ này sẽ làm yếu việc thực hiện nghiêm ngặt Công ước này. Họ quyết định đưa vào một đoạn đề cập tới các văn kiện quốc tế về nhân quyền và giữ lại các thuật ngữ 'các cộng đồng' và 'các nhóm người' mà không kèm theo bất kỳ từ bỏ nghĩa nào, điều đó có thể làm nảy sinh những cách hiểu và diễn giải khác nhau. Các chuyên gia thích thuật ngữ 'không gian văn hóa' hơn là 'địa điểm văn hóa' bởi vì thuật ngữ đầu bao hàm cả khả năng nói tới các công trình xây dựng. Do di sản văn hóa phi vật thể là một di sản sống không ngừng phát triển, các chuyên gia quyết định thêm vào định nghĩa cụm từ 'được truyền thụ từ thế hệ này sang thế hệ khác'. Liên quan đến việc đưa các ngôn ngữ vào như là một trong những hình thức qua đó di sản văn hóa phi vật thể được thể hiện, một thỏa hiệp đã đạt được giữa những người ủng hộ và những người phản đối ý tưởng này với cách diễn đạt 'ngôn ngữ như là một phương tiện truyền tải di sản văn hóa phi vật thể'. Có một điều cũng được quyết



Ảnh © Marek Siozdar

📍 Không gian Văn hóa Kihnu, Estonia

định bằng sự đồng thuận là không đưa vào Công ước bất kỳ nội dung nào để cập tới tôn giáo trong hình thức 'những tập quán xã hội, nghi thức và lễ hội'.

Hầu như tất cả các chuyên gia đều ủng hộ đề nghị là các Quốc gia đóng một vai trò nổi bật trong việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Nghĩa vụ chính của họ sẽ là nhận diện và xác định giá trị của các di sản văn hóa phi vật thể hiện có trên lãnh thổ của mình với sự tư vấn và hợp tác của các cộng đồng chủ thể văn hóa, các tổ chức phi chính phủ có liên quan và các thành phần khác quan tâm đến di sản văn hóa phi vật thể. Điều được quyết định là lập một Danh sách quốc tế về di sản văn hóa phi vật thể với những di sản đã được kiểm kê ở cấp quốc gia. Danh mục đăng ký này (Danh sách Đại diện trong tương lai) sẽ nhằm mục đích đảm bảo tính chất có thể nhận biết được của di sản văn hóa phi vật thể và sẽ góp phần tăng cường sự đa dạng văn hóa.

Một vài cuộc họp liên chính phủ khác được tổ chức sau đó với nhiệm vụ dự thảo Công ước. Sự đồng thuận đạt được về các chủ đề chính, đặc biệt là vấn đề liên quan đến ý nghĩa quan trọng của vai trò mà các Quốc gia thành viên sẽ đảm đương, tầm quan trọng của các nguyên tắc quốc tế về hợp tác và đoàn kết và việc thiết lập một cơ chế bảo vệ linh hoạt và hữu hiệu, (việc lập) một ủy ban liên chính phủ trực thuộc Đại hội đồng của các Quốc gia thành viên (của Công ước) và một Quỹ Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể.

Tháng 11 năm 2003, Ủy ban Văn hóa của Đại hội đồng UNESCO đã khuyến nghị là hội nghị toàn thể của Đại hội đồng UNESCO thông qua với sự đồng thuận Công ước Quốc tế về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể như là một Công ước của UNESCO. Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể được thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2003, với 120 phiếu ủng hộ, 8 phiếu trắng và không có phiếu chống. Công ước bắt đầu có hiệu lực vào ngày 20 tháng Tư 2006, ba

tháng sau khi có đủ 30 nước thành viên phê chuẩn. (Xem danh sách cập nhật các Quốc gia thành viên của Công ước tại www.unesco.org/culture/ich). Hơn một nửa số Quốc gia thành viên của UNESCO đã ký Công ước. Sự phê chuẩn Công ước nhanh chóng một cách hiếm có phản ánh sự quan tâm lớn đối với di sản phi vật thể trên khắp thế giới. Điều này cũng khẳng định nhận thức rộng rãi về sự cần thiết cấp bách của Công ước trong việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể ở tầm quốc tế trong bối cảnh gia tăng sức ép từ hiện đại hóa và quá trình toàn cầu hóa. Vô số các hoạt động đã được tiến hành ở cấp quốc gia, và nhiều cuộc họp liên chính phủ đã được tổ chức ở cấp quốc tế, chứng tỏ là việc thông qua Công ước này và sự thực hiện nó một cách nhanh chóng trở thành mối quan trọng trong cuộc vận động lâu dài của UNESCO để bảo vệ di sản sống của thế giới.

Công ước 2003 về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể, với cơ cấu dựa trên cách tiếp cận mang tính lập trình của Công ước 1972, nhấn mạnh việc công nhận với đầy đủ năng lực đối với các biểu đạt và truyền thống mà không có thứ bậc giữa chúng (các di sản văn hóa phi vật thể). Theo đó, khái niệm 'giá trị nổi bật toàn cầu' được thể hiện trong Công ước 1972 không áp dụng cho việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Sự công nhận của quốc tế căn cứ vào ý nghĩa quan trọng của di sản sống này đối với ý thức về bản sắc và tính kế tục của các cộng đồng trong đó di sản được tạo ra, truyền thụ và tái tạo. Sự công nhận này sẽ nâng cao nhận thức về di sản của các cộng đồng, đó cũng là mục đích chính của danh sách được nêu trong Điều 16 của văn kiện này. Công ước chủ yếu tập trung vào các hoạt động bảo vệ và trao đổi các cách thực hành tốt, chứ không phải chỉ là lập danh mục di sản.

Một văn kiện pháp lý nữa trong lĩnh vực văn hóa đã có hiệu lực từ năm 2003: Công ước 2005 về Bảo vệ và Phát huy sự Đa dạng của các Biểu đạt Văn hóa. Trong



Di sản
Văn hóa
Phi vật thể

khí Công ước 2003 quan tâm chủ yếu đến các quy trình chuyển giao tri thức bên trong các cộng đồng và các nhóm người là chủ thể và thực hành di sản này, Công ước 2005 tập trung vào sản phẩm của biểu đạt văn hóa, khi chúng được lưu hành và chia sẻ thông qua các hoạt động văn hóa, hàng hóa và dịch vụ văn hóa. Nó bổ sung cho bộ các văn kiện pháp lý được UNESCO triển khai nhằm tăng cường sự đa dạng và môi trường quốc tế trong đó tính sáng tạo của các cá nhân và các dân tộc được khuyến khích trong sự đa dạng phong phú của họ, qua đó đóng góp cho sự phát triển kinh tế của họ và cho việc tăng cường và bảo vệ sự đa dạng văn hóa của thế giới.

Do vậy, lần đầu tiên trong lịch sử luật pháp quốc tế, văn hóa tìm thấy chỗ đứng của nó trên chương trình nghị sự chính trị, xuất phát từ mong muốn nhân văn hóa tiến trình toàn cầu. Trong bối cảnh tích cực này, văn hóa đã trở thành một diễn đàn đích thực cho đối thoại và phát triển, do đó mở ra những cơ hội mới để liên kết.



Được truyền dạy từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người.